

Số: /KH-UBND

Kiên Hải, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn
Đặc khu Kiên Hải năm 2026**

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2030”;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC;

Căn cứ Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Kế hoạch đào tạo nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đặc khu Kiên Hải về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đặc Khu năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Kiên Hải về phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Ủy ban nhân dân đặc khu Kiên Hải ban hành Kế hoạch đào tạo nghề và đào tạo nghề lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo nghề cho lao động nông thôn; cụ thể hóa mục tiêu phát triển nguồn nhân lực năm 2026 theo định hướng tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND, Kế hoạch số 10/KH-UBND. Qua đó nâng cao chất lượng đào tạo nghề, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đặc khu.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để người lao động, nhất là lao động nông thôn, được tiếp cận và tham gia các chương trình đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và điều kiện thực tế của địa phương; gắn đào tạo với giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

2. Yêu cầu

a) Kế hoạch phải được xây dựng trên cơ sở bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đặc khu; phù hợp với mục tiêu phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2026-2030 theo Kế hoạch số 10/KH-UBND; bảo đảm tính khả thi, thiết thực và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

b) Tổ chức triển khai thực hiện phải đồng bộ, thống nhất; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, ban ngành và các cấp; tăng cường phối hợp liên ngành, bảo đảm tiến độ và chất lượng thực hiện.

c) Công tác đào tạo nghề phải gắn với giải quyết việc làm và nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, nhất là cung ứng nguồn nhân lực phục vụ các sự kiện, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tỉnh; đồng thời ưu tiên đào tạo nghề cho lao động nông thôn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, lao động nữ, người khuyết tật và các đối tượng chính sách, bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

d) Việc sử dụng kinh phí và các nguồn lực phải đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai hiệu quả công tác đào tạo nghề, đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn đặc khu Kiên Hải năm 2026 theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại và gắn với nhu cầu thị trường lao động; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, mở rộng cơ hội tiếp cận đào tạo cho người lao động, nhất là lao động nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất, thu nhập và bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Dự kiến mở 08 lớp (mỗi lớp từ 30-35 học viên) đào tạo nghề ở lĩnh vực phi nông nghiệp và nông nghiệp. Tuyển sinh, đào tạo người tham gia học các trình độ giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề cho lao động nông thôn **cho 300 người** (*Theo phụ lục đính kèm*). Đảm bảo nghề phi nông nghiệp chiếm khoảng 60%, nghề nông nghiệp khoảng 40%.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề, đặc biệt đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách về giáo dục nghề nghiệp

- Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung và ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định của Trung ương và định hướng phát triển nguồn nhân lực theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND và Kế hoạch số 10/KH-UBND.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ người học nghề; chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho người lao động; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục nghề nghiệp. Đồng thời, tăng cường cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận, thụ hưởng chính sách kịp thời, minh bạch và hiệu quả.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng nghiệp và phân luồng

Đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hóa hình thức tư vấn, hướng nghiệp tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và tại cộng đồng dân cư. Tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học nghề; nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là lao động nông thôn, về cơ hội việc làm và thu nhập sau đào tạo.

3. Tổ chức đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động

Rà soát, khảo sát nhu cầu học nghề và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch đào tạo sát thực tế, tránh trùng lặp, dàn trải. Ưu tiên đào tạo các ngành, nghề phục vụ phát triển kinh tế biển, du lịch, logistics, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,

4. Tăng cường liên kết với doanh nghiệp và giải quyết việc làm sau đào tạo

- Đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tổ chức thực hành, thực tập và tuyển dụng lao động; mở rộng đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Gắn đào tạo nghề với các chương trình giải quyết việc làm, hỗ trợ khởi nghiệp, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Thực hiện chính sách hỗ trợ và bảo đảm công bằng trong tiếp cận đào tạo nghề

Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ học nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác; ưu tiên đào tạo nghề cho lao động ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

6. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực

Lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện đào tạo nghề; bảo đảm quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đánh giá chất lượng đào tạo và tỷ lệ có việc làm sau đào tạo. Kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất giải pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn sau:

- Ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án có liên quan và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.
- Nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ:

1. Phòng Văn hóa - Xã hội:

- Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND đặc khu quản lý, theo dõi và tổ chức thực hiện Kế hoạch; kịp thời đề xuất các giải pháp, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và các chính sách hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội; nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người lao động về vai trò của đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống; hướng dẫn người lao động tiếp cận và tham gia các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.
- Phối hợp với phòng Kinh tế đặc khu, Ngân hàng Chính sách xã hội trong công tác quản lý, giám sát việc thực hiện các dự án vay vốn giải quyết việc làm từ nguồn Quỹ Quốc gia về việc làm.
- Phối hợp với các tổ chức chính trị – xã hội và các ấp rà soát, nắm chắc tình hình lao động chưa có việc làm trên địa bàn, đặc biệt là lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài; đồng thời cung cấp, phổ biến thông tin về nhu cầu, điều kiện tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp nhằm kết nối cung – cầu lao động, hỗ trợ người lao động tìm được việc làm phù hợp, ổn định đời sống.
- Phối hợp, hỗ trợ các doanh nghiệp được cấp phép tổ chức các đợt tư vấn, tuyên truyền, vận động người lao động tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Phòng Kinh tế

Theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với phòng Văn Hóa – Xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu cấp thẩm quyền về nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch trên cơ sở lồng ghép với kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên; kinh phí thực hiện Chương trình, Dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và chính sách hỗ trợ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực đào tạo nghề, việc làm, tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp; đưa tin, bài, hình ảnh; nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả.

3. Đề nghị MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia học nghề, chọn ngành nghề phù hợp, duy trì và phát triển ngành nghề.

- Phát huy tính tự quản trong tham gia và quản lý tốt các chương trình, dự án được phân bổ và thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến việc làm.

4. Các tổ địa bàn và Ban Nhân dân các ấp

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia các lớp đào tạo nghề, bảo đảm mỗi lớp đào tạo đạt học viên theo kế hoạch.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm năm 2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Kiên Hải./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT tỉnh An Giang;
- CT và các PCT.UBND đặc khu;
- UB MTTQ VN và các tổ chức chính trị đặc khu;
- Phòng Kinh tế đặc khu;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp;
- Các trường có cấp THCS & THPT trên địa bàn;
- Tổ địa bàn và Ban nhân dân các ấp;
- Lưu: VT, PVHXXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trị

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND đặc khu)

Stt	Tổ địa bàn	Số lượng (đvt: người)	Ghi chú
Tổng cộng		300	
01	Tổ địa bàn Hòn Tre	35	
02	Tổ địa bàn Lại Sơn	75	
03	Tổ địa bàn An Sơn	95	
04	Tổ địa bàn Nam Du	95	